

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HT
TỈNH TN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 78/2017/DS-ST

Ngày: 27/ 10/2017

V/v “*Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản và góp hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HT, TỈNH TN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Thành Diệp**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Ngọc Trâm**

2. Bà **Đỗ Thị Mỹ Hạnh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Hồng Thúy Liễu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện HT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT: Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Như** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2016/TLST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2017, về việc “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và góp hụi*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2017/QĐST-DS ngày 22 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **NTHH**, sinh năm 1966 – có mặt;

Trú tại địa chỉ: Số 78, đường THh, khu phố A, thị trấn HT, huyện HT, tỉnh TN.

- *Bị đơn:* Chị **LTMT**, sinh năm 1970 – có mặt;

Anh **NHT**, sinh năm 1970 – vắng mặt;

Cùng trú tại địa chỉ: Số 72, đường THh, khu phố A, thị trấn HT, huyện HT, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 4 năm 2017 và các lời khai tại phiên sơ thẩm nguyên đơn – chị NTHH trình bày:

Ngày 01/01/2017 DL, chị T vay của chị H 300.000.000 đồng, có làm giấy nợ do chị T viết, có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng và chị T có trả lãi cho chị H được 03 tháng, mỗi tháng 9.000.000 đồng. Tổng cộng 03 tháng là 27.000.000 đồng.

Ngày 11/02/2017, chị T có vay của chị H 20.000.000 đồng; ngày 01/3/2017 vay tiếp 10.000.000 đồng và ngày 03/4/2017 vay tiếp 20.000.000 đồng. Tổng cộng là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), cả 03 lần vay này chị T không có viết giấy nợ cho chị H, hai bên không có thỏa thuận lãi suất, chị T không có trả tiền lãi cho chị H đối với 03 khoản vay tổng cộng 50.000.000 đồng này.

Ngoài ra, chị H có tham gia 1,5 phần hụi trong dây hụi 3.000.000 đồng/tháng, mở ngày 20/02/2016 âm lịch, một tháng khai hụi một lần, có 24 hụi viên. Chị H góp hụi được 13 kỳ với số tiền hụi vốn là 43.550.000 đồng (Bốn mươi ba triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng) thì chị T bị bể hụi nên ngưng.

Chị H tham gia hụi của chị T nhiều năm nên theo chị H anh T biết việc chị H tham gia hụi của chị T. Khi vay tiền thì chị T nói mục đích vay là để cho con trai làm xưởng cà phê nên chị H nghĩ anh T biết việc chị T nợ chị H.

Nay chị H yêu cầu chị LTMT và anh NHT cùng có nghĩa vụ trả cho chị số tiền 350.000.000 đồng tiền vay, không yêu cầu tính lãi, chị H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền hụi là 43.550.000 đồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết tiền hụi trong vụ án này.

Bị đơn chị LTMT trình bày:

Chị T thống nhất với lời trình bày của chị H về các khoản nợ vay và nợ hụi là đúng. Chị T thừa nhận nợ chị H 350.000.000 đồng tiền vay gốc nhưng mục đích vay tiền là xoay sở trong việc làm ăn và nợ tiền hụi là 43.550.000 đồng. Chị T xác nhận có trả tiền lãi cho chị H 27.000.000 đồng nhưng chị T không yêu cầu Tòa án tính lại tiền lãi vì tiền lãi đã trả không nhiều. Nay chị H chỉ yêu cầu trả tiền vay 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng), nên chị T đồng ý trả cho chị H số tiền này.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT:

Về tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi vào nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về người tham tố tụng chị H, chị T có mặt, anh T vắng mặt.

Về nội dung:

Chị NTHH tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện số tiền 43.550.000 đồng đối với chị T và anh T nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với số tiền này.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp về hợp đồng vay tài sản giữa chị NTHH đối với chị LTMT và anh NHT. Buộc chị T và anh T có nghĩa vụ trả cho chị H tiền nợ vay, Ghi nhận chị H không yêu cầu tính lãi lại.

Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho anh NHT nhiều lần để làm bản tự khai, hoà giải và xét xử nhưng anh T không làm bản tự khai, không tham gia hoà giải cũng như không tham dự phiên tòa hôm nay. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung:

[2] Ngày 20/4/2017 chị NTHH có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN giải quyết vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HT theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Tại phiên tòa chị H rút lại yêu cầu khởi kiện về hợp đồng góp hụi số tiền 43.550.000 đồng đối với chị LTMT và anh NHT. Xét thấy việc rút yêu cầu của chị H là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ngày 01/01/2017 DL, chị T vay của chị H 300.000.000 đồng, có làm giấy nợ do chị T viết, có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, chị T có trả lãi cho chị H được 03 tháng, mỗi tháng 9.000.000 đồng; ngày 11/02/2017, chị T có vay của chị H 20.000.000 đồng; ngày 01/3/2017 vay tiếp 10.000.000 đồng và ngày 03/4/2017 vay tiếp 20.000.000 đồng. Tổng cộng là 50.000.000 đồng, cả 03 lần vay này chị T không có viết giấy nợ cho chị H, hai bên không có thỏa thuận lãi suất.

[5] Chị T không yêu cầu chị H phải tính lãi lại, chị H đồng ý. Xét thấy sự thỏa thuận giữa chị T và chị H là trái với quy định của pháp luật nên cần phải tính lãi lại cho phù hợp với lãi suất theo quy định của pháp luật được tính cụ thể như sau:

- Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 27/10/2017 là 9 tháng 26 ngày x 300.000.000 đồng x 1.125%/tháng = 33.300.000 đồng.

- Từ ngày 11/02/2017 đến ngày 27/10/2017 là 7 tháng 16 ngày x 1.125%/tháng x 20.000.000 đồng = 1.695.000 đồng.

- Từ ngày 01/3/2017 đến ngày 27/10/2017 là 6 tháng 26 ngày x 1.125%/tháng x 10.000.000 đồng = 772.500 đồng.

- Từ ngày 03/4/2017 đến ngày 27/10/2017 là 5 tháng 24 ngày x 1.125%/tháng x 20.000.000 đồng = 1.305.000 đồng.

Tổng số tiền lãi là 37.072.500 đồng.

Chị H đã nhận 27.000.000 đồng tiền lãi, chị H không yêu cầu chị T tiếp tục trả lãi nên ghi nhận.

[5] Khi vay tiền của chị H chị T xác nhận khi chị H khởi kiện ra Tòa án thì anh T mới biết, vay tiền để sử dụng vào mục đích gia đình. Anh T đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ nhưng anh T vắng mặt không đến Tòa án làm bản tự khai, không tham gia phiên hòa giải cũng như không tham dự phiên tòa là từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Từ các chứng cứ lời trình bày của chị H, chị T, giấy

nhận nợ, có cơ sở xác định chị T nợ chị H tiền vay 350.000.000 đồng chưa trả. Tại phiên tòa chị T cho rằng ngoài tiền lãi đã trả cho chị H 27.000.000 đồng chị còn trả lãi cho chị H số tiền 132.000.000 đồng của các khoản nợ vay trước, chị H không thừa nhận, chị T không có giấy tờ chứng cứ gì chứng minh cho lời trình của mình.

[6] Chị H yêu cầu chị T và anh T cùng có nghĩa vụ trả số tiền 350.000.000 đồng. Xét thấy hiện nay chị T và anh T vẫn còn sống chung vợ chồng, còn trong thời kỳ hôn nhân, mặc dù giấy nhận nợ do một mình chị T ký tên, vay tiền để sử dụng vào mục đích gia đình. Do vậy chấp nhận yêu cầu của chị H buộc chị T và anh T cùng có nghĩa vụ trả cho chị H tiền nợ vay là phù hợp với Điều 27, 30 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ghi nhận chị H không yêu cầu chị T anh T tính lãi.

[7] Về án phí: Chị T và anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện tranh chấp về hợp đồng góp hụi của chị NTHH đối với chị LTMT và anh NHT.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp về hợp đồng vay tài sản của chị NTHH đối với chị LTMT và anh NHT.

Buộc chị T và anh T cùng có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu). Ghi nhận chị H không yêu cầu tính lãi.

Kể từ khi **chị NTHH** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị LTMT và anh NHT không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng **chị T và anh T** còn phải trả cho chị H số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Chị LTMT và anh NHT phải chịu 17.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho chị NTHH 9.838.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003976, ngày 21/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT, tỉnh TN.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các bên đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án, hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND H. HT;
- THADS H. HT;
- Lưu : Tập án;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VÕ THÀNH DIỆP